

MỐI QUAN HỆ GIỮA TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG TRONG CƠ CHẾ QUẢN TRỊ VÙNG BIÊN VIỄN PHÍA BẮC DƯỚI TRIỀU LÝ (1009-1226)

Nguyễn Thu Hiền^{*1}, Lã Thị Thanh Hiền², và Lương Phương Mai³.

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Nguyễn Thu Hiền, e-mail: hiennt@hnue.edu.vn*

Ngày nhận bài: 2/2/2026. Ngày sửa bài: 1/4/2026. Ngày nhận đăng: 22/4/2026.

Tóm tắt. Bài viết nghiên cứu mối quan hệ giữa trung ương và địa phương đặt trong tác động qua lại giữa chính sách của nhà nước với những yếu tố mang tính đặc thù của vùng biên viễn phía Bắc qua đó làm rõ cơ chế quản trị vùng biên viễn phía Bắc dưới triều Lý (1009-1226). Trên cơ sở khảo cứu nguồn thư tịch cổ của Việt Nam và phân tích các sự kiện lịch sử tiêu biểu, bài viết làm rõ nội hàm của hai yếu tố pháp trị và tự trị cũng như cách thức vận dụng chúng trong thực tiễn quản lý vùng biên viễn dưới triều Lý. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động quản trị vùng biên viễn phía Bắc dưới triều Lý được triển khai trên cơ sở kết hợp giữa việc áp dụng pháp trị nhằm khẳng định quyền lực nhà nước với việc thừa nhận các hình thức tự trị nhất định của cộng đồng địa phương và các nhóm dân tộc thiểu số. Mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và các lực lượng địa phương không đối lập mà vận động linh hoạt với các trạng thái quy thuận, xung đột và tương hỗ, tùy thuộc vào bối cảnh chính trị - xã hội cụ thể. Qua đó, bài viết góp phần làm rõ đặc điểm của cơ chế quản trị vùng biên viễn dưới triều Lý với mục đích duy trì ổn định xã hội, bảo đảm an ninh biên giới và củng cố quyền lực trung ương trong điều kiện lịch sử đặc thù của Đại Việt thời trung đại.

Từ khóa: Triều Lý, vùng biên viễn phía Bắc, quan hệ trung ương-địa phương.

THE RELATIONSHIP BETWEEN CENTRAL AND LOCAL AUTHORITIES IN THE GOVERNANCE MECHANISM OF THE NORTHERN FRONTIER UNDER THE LÝ DYNASTY (1009-1226)

Nguyen Thu Hien^{*1}, La Thi Thanh Hien², and Luong Phuong Mai³.

Hanoi National University of Education, Hanoi, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Thu Hien, e-mail: hiennt@hnue.edu.vn*

Received February 2, 2026. Revised April 1, 2026. Accepted April 22, 2026.

Abstract. This paper examines the relationship between central and local authorities in the governance of the northern frontier under the Lý Dynasty (1009-1226). It focuses on the interaction between state policies and the specific characteristics of the frontier region, thereby clarifying the administrative mechanisms applied in this area. Based on premodern Vietnamese historical sources and an analysis of major historical events, the study elucidates two key elements: the rule-based governance and local autonomy, as well as their roles in the management of the frontier region. The findings show that the governance of the northern frontier under the Lý Dynasty was carried out through a combination of strengthening central authority by means of law and recognizing certain forms of autonomy among local communities and ethnic minority groups. The relationship between the central government and local forces was flexible rather than confrontational, varying between submission, conflict, and cooperation depending on the socio-political context. This paper thus contributes to clarifying the characteristics of frontier governance under the Lý Dynasty, which aimed to maintain social stability, ensure border security, and reinforce central authority in the historical context of medieval Đại Việt.

Keywords: Lý Dynasty, the Northern frontier, central-local relations.

1. Mở đầu

Trong lịch sử tổ chức và quản lý nhà nước ở Việt Nam, mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và địa phương luôn là một vấn đề phức tạp, đặc biệt trong bối cảnh quốc gia tạo thành từ sự đa dạng về tộc người và tính đặc thù về điều kiện địa lý. Đối với các triều đại quân chủ trung đại, mục tiêu thiết lập và duy trì trật tự cai trị trên toàn lãnh thổ không chỉ phụ thuộc vào khả năng tập trung quyền lực của triều đình mà còn gắn liền với cách thức dung hòa giữa quyền lực nhà nước và các hình thức tự quản tồn tại tại cộng đồng địa phương. Trong mối quan hệ đó, hai yếu tố “pháp trị” và “tự trị” trở thành những trụ cột quan trọng chi phối thực tiễn quản trị nhà nước và lãnh thổ.

Triều Lý (1009-1226) là một vương triều quân chủ độc lập đang trong giai đoạn định hình mô hình quản trị nhà nước trung đại. Sự kiện ban hành bộ luật *Hình thư* năm 1042 - bộ luật thành văn sớm nhất còn được ghi nhận trong lịch sử lập pháp Việt Nam - đã phản ánh nỗ lực của nhà nước trong quá trình xây dựng cách thức quản lý đất nước dựa trên pháp luật và thiết chế hành chính tương đối hoàn chỉnh. Tuy nhiên, thực tiễn quản trị khu vực biên viễn phía Bắc dưới triều Lý không đơn giản là áp đặt pháp luật một cách cứng nhắc mà được vận dụng linh hoạt, thích ứng với điều kiện địa phương. Từ đó hình thành một cơ chế quản trị mang tính dung hòa giữa yêu cầu củng cố quyền lực nhà nước và duy trì ổn định xã hội ở vùng biên viễn phía Bắc.

Vấn đề “pháp trị”, “tự trị” và mối quan hệ giữa trung ương với địa phương dưới triều Lý đã thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu trong và ngoài nước. Aderson (2007) đã nghiên cứu các cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao - một thủ lĩnh dân tộc Tày ở khu vực biên giới như một trường hợp điển hình trong mối quan hệ của nhà nước với ý thức phản kháng của dân tộc thiểu số ở vùng biên viễn phía Bắc; Momoki (2013), tiếp cận về luật tục của các địa phương dưới triều Lý thông qua sự phân chia và vai trò của các đơn vị hành chính “châu, lộ, trại”; Nguyễn Minh Tường phân tích cụ thể về tổ chức cũng như cách thức triều Lý quản lý đơn vị hành chính địa phương ở vùng biên giới phía Bắc (T. M. Nguyễn, 2019). Nguyễn Thu Hiền và Đặng Thị Lan Huệ đã làm rõ về một biểu hiện cho quan hệ trung ương với địa phương - công phẩm địa phương dưới triều Lý (Nguyễn & Đặng, 2020); bài viết của Đàm Thị Uyên và Đỗ Thị Xuân đã phân tích về chính sách “nhu viễn” của triều Lý - Trần với các tộc người thiểu số vùng biên giới (Đàm & Đỗ, 2022). Trong công trình nghiên cứu do Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) đã tập trung làm rõ quá trình thay đổi tên gọi đơn vị hành chính vùng biên giới phía Bắc theo tiến trình lịch sử dưới từng triều vua Lý (Nguyễn và nnk, 2022). Đặc biệt nhà nghiên cứu Phạm Đức Anh đã tiếp cận nghiên cứu đơn vị hành chính vùng biên giới phía Bắc đặt trong mối quan hệ thống nhất với tổ chức bộ máy chính quyền quân chủ tập trung thống nhất dưới vương triều Lý (Phạm, 2023a, 2023b). Nguyễn Quang Ân (2024) phản ánh sự can thiệp của triều Lý đối với việc đặt tên và sắp xếp tên gọi các đơn vị hành chính địa phương vùng biên giới phía Bắc. Lịch sử nghiên cứu đề tài đã phác họa nên mối quan hệ hai chiều giữa triều đình và địa phương cũng như các chính sách của triều đình nhằm kiểm soát địa phương vùng biên viễn phía Bắc, tạo động lực để các nghiên cứu về chủ đề này tiếp tục làm rõ tư tưởng “pháp trị” như một công cụ quản trị vùng biên giới thông qua những cơ chế cụ thể, và mối quan hệ nhân quả của việc vận dụng tư tưởng này một cách linh hoạt với vấn đề ổn định an ninh quốc phòng vùng giáp biên phía Bắc. Các công trình trên góp phần làm sáng tỏ một số khía cạnh quan trọng của chính sách quản lý vùng biên, vai trò của các thủ lĩnh địa phương, cũng như các hình thức tương tác giữa triều đình và cộng đồng tộc người thiểu số. Những nghiên cứu này cho thấy mối quan hệ trung ương - địa phương dưới triều Lý không mang tính đơn tuyến, mà là một quá trình tương tác hai chiều, trong đó triều đình vừa tìm cách kiểm soát, vừa phải thích ứng với thực tiễn địa phương.

Tuy nhiên, đa số nghiên cứu hiện nay tập trung vào những sự kiện riêng lẻ như các cuộc xung đột, chế độ công phẩm, hay chính sách “nhu viễn” mà chưa đặt những hiện tượng đó trong một khung phân tích thống nhất về quản trị nhà nước đặc biệt đối với vùng biên viễn phía Bắc. Vai trò của tư tưởng “pháp trị” như một công cụ quản trị vùng biên và mối quan hệ nhân quả giữa việc vận dụng linh hoạt tư tưởng này với vấn đề ổn định an ninh và kiểm soát lãnh thổ rất cần

được phân tích hệ thống. Khoảng trống nghiên cứu này đặt ra yêu cầu tiếp cận vấn đề “pháp trị” và “tự trị” không chỉ là những hiện tượng riêng rẽ, mà cần nhìn nhận như những yếu tố định hình cơ chế quản trị đặc thù của triều Lý ở vùng biên viễn phía Bắc.

Trên cơ sở đó, bài viết này tập trung tìm hiểu vai trò của “pháp trị” và “tự trị” trong quản trị vùng biên viễn phía Bắc dưới triều Lý (1009-1226). Thông qua phân tích nội hàm của hai khái niệm “pháp trị” và “tự trị” trong bối cảnh lịch sử cụ thể, bài viết tiến hành khảo sát cách thức triều Lý vận dụng các chính sách tổ chức đơn vị hành chính và cách thức quản lý bộ máy hành chính trong ở các vùng biên viễn phía Bắc, đồng thời xem xét mức độ “tự trị” các cộng đồng địa phương. Qua đó, nghiên cứu làm rõ biểu hiện của mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và địa phương này trong cơ chế quản trị vùng biên viễn phía Bắc dưới triều Lý (1009-1226). Về phạm vi nghiên cứu, bài viết giới hạn không gian nghiên cứu là các địa phương vùng biên giới phía Bắc của Đại Việt trong thời gian trị vì của vương triều Lý; tương ứng với các khu vực thuộc các tỉnh Tuyên Quang, Cao Bằng, Lào Cai, Lạng Sơn, Thái Nguyên và Sơn La hiện nay (theo tên của các đơn vị hành chính Việt Nam từ sau ngày 01/07/2025). Nghiên cứu dựa trên việc khai thác các nguồn thư tịch cổ của Việt Nam, bao gồm các công trình sử học được biên soạn trong thời kỳ quân chủ tiêu biểu như *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký tiền biên*, *Lịch triều hiến chương loại chí* và *Đại Nam nhất thống chí*... Trên cơ sở tổng kê và phân tích các sự kiện phản ánh mối quan hệ giữa trung ương với địa phương và ngược lại sự tác động từ địa phương tới trung ương dưới triều Lý biểu hiện như xung đột, công phẩm, hôn nhân chính trị và sách phong chức tước, bài viết phân tích nhận diện cơ chế quản trị cụ thể đã được vận dụng tại vùng biên viễn phía Bắc trong khoảng thời gian từ năm 1009 đến năm 1226.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sự vận dụng tư tưởng pháp trị trong cai trị dưới triều Lý (1009-1226)

Trong cuốn sách *Lịch sử tư tưởng Trung Quốc*, Cheng đã lí giải về khái niệm và bản chất của “pháp” thông qua chiết tự như sau: “pháp” thông thường có liên quan đến những công cụ đo lường hình học nhằm cung cấp các tiêu chuẩn chung ví dụ như cái “quy” (đo hình tròn) và cái “củ” (đo hình vuông) của người thợ mộc. Hai chữ này kết hợp với nhau thành quy củ, trong Hán ngữ hiện đại chỉ quy tắc cần phải tuân thủ. Quy, củ, thẳng [thước dầy] là những hình tượng thường xuyên xuất hiện trong diễn ngôn của Pháp gia, song hành với chúng là “quyền” (nghĩa dẫn thân là “quyền lực”) [nghĩa gốc là cán cân] dùng để miêu tả sự chuẩn xác và khách quan của Pháp” (Cheng, 2022, tr.262).

Theo nghiên cứu của Giản Chi & Nguyễn Hiến Lê (2004) thì trong hệ tư tưởng “pháp gia” với đại diện tiêu biểu là Hàn Phi (280 TCN-233 TCN), “pháp trị” được hiểu như một phương thức cai trị dựa trên ba yếu tố pháp - thế - thuật: “pháp” là hệ thống quy phạm thống nhất và minh bạch; “thế” là uy quyền của người cầm quyền nhằm bảo đảm hiệu lực thi hành; “thuật” là kỹ năng và cơ chế kiểm soát bộ máy quan lại để pháp không bị vô hiệu hóa bởi lợi ích nhóm hoặc ý chí cá nhân (Giản & Nguyễn, 2004, tr.726-tr.742). Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi nhấn mạnh đến cách thức nhà nước quân chủ tiếp thu có chọn lọc những nguyên lí đó để xây dựng năng lực quản trị, đặc biệt trong bối cảnh cần ổn định đất nước sau biến động hoặc trong giai đoạn định hình mô hình nhà nước.

Triều Lý trong tiến trình xác lập nhà nước quân chủ tập quyền thể hiện rõ xu hướng tăng cường sự quản lý của nhà nước đối với các đơn vị hành chính địa phương. Sự kiện ban hành bộ luật *Hình thư* (năm 1042) là dấu mốc quan trọng, được đánh giá về mục đích là “chăm chú cho thích dụng với thời thế”, “chia ra môn loại”, “để cho người xem dễ hiểu” và “phép xử án được bằng thẳng rõ ràng” (Ngô và nnk, 1998, tr.263). Nhận định này cho thấy triều đình không chỉ quan tâm đến sự tồn tại của bộ luật, mà còn chú trọng tính thích dụng, hệ thống, và khả dụng của pháp luật trong thực tiễn xét xử - một đặc trưng điển hình của tư duy pháp trị. Theo Phan Huy

Chú, triều Lý ít nhất hai lần định lại luật lệ vào năm 1097 và năm 1157. Phạm Đức Anh nêu quan điểm về bộ luật *Hình thư* có thể không phải được biên soạn hoàn toàn mới mà trên cơ sở tập hợp những quy định đơn lẻ thể hiện quy tắc hình phạt được ban hành suốt từ thời Ngô đến Tiền Lê; triều Lý đồng thời liên tục ban hành các văn bản pháp luật đơn lẻ khác dưới dạng chiếu, lệnh, lệ (Phạm, 2023a, tr.51). Nhà nghiên cứu Nguyễn Minh Tường khẳng định việc ban hành bộ luật *Hình thư* dưới triều vua Lý Thái Tông là “một cột mốc trong lịch sử pháp quyền Việt Nam, nó chứng tỏ rằng bộ máy chính quyền trung ương tập quyền đã có đủ các thiết chế hoàn bị” (Nguyễn, 2019, tr.511). Sự xuất hiện của *Hình thư* và các luật, lệnh khác cùng với sự tồn tại của cơ quan Hình bộ và Thẩm hình viện riêng biệt đánh dấu nỗ lực tăng cường thực thi “pháp trị” của triều Lý trong tổ chức quản lý đất nước.

Các nghiên cứu đối chiếu khu vực cũng gợi ý rằng luật triều Lý-Trần chịu ảnh hưởng nhất định từ mô hình Đường-Tống, thể hiện qua một số điều khoản tương đồng. Nghiên cứu của Yu Insun (2011) đã đặt trọng tâm vào chế độ Ngũ hình - hệ thống hình phạt xuất hiện trong luật pháp của cả hai vương triều Lý và Trần gồm xuy hình, trượng hình, đồ hình, lưu hình và tử hình rồi so sánh hệ thống này với *Đường luật* của Trung Quốc và *Lê triều Hình luật* của triều Lê Sơ để thấy được điểm giống và khác giữa luật pháp của nhà Đường và các triều đại quân chủ độc lập của Việt Nam. Xét về phương diện quản trị nhà nước, yếu tố “tam giáo đồng nguyên” - sự dung hoà giữa Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo là một trong những nguyên nhân lí giải vì sao pháp trị dưới triều Lý có xu hướng không tuyệt đối hóa cưỡng chế mà kết hợp với các cơ chế linh hoạt (ban thưởng, phong tước, ràng buộc thân thuộc, nhu viễn) áp dụng quản trị nhà nước đối với đơn vị hành chính địa phương đặc thù như vùng biên viễn phía Bắc. Chính sự cởi mở trong tiếp nhận nhiều yếu tố khác nhau trong đời sống văn hoá tinh thần thể hiện sự tôn trọng nhất định của chính quyền trung ương đối với tính đặc thù của cấp chính quyền địa phương.

Một biểu hiện quan trọng khác của “pháp trị” là quá trình triều Lý thiết lập bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương và tổ chức đội ngũ quan lại thi hành. Theo nhà nghiên cứu Trần Thị Vinh (2008), cơ cấu hành chính triều Lý có sự phân biệt tương đối giữa vùng đồng bằng và vùng núi, thể hiện qua hệ thống phủ, lộ ở vùng trung tâm và châu, trại, đạo ở vùng núi. Đáng chú ý, triều đình thường bổ nhiệm các thủ lĩnh địa phương vào vị trí đứng đầu châu với những tước hiệu như thứ sử, thủ lĩnh, châu mục, tri châu (Momoki, 2013, tr.48). Vị quan đứng đầu đơn vị hành chính địa phương cấp cơ sở là những hào trưởng địa phương - thường là người cao tuổi hoặc những dòng họ có thế lực trong vùng. Cơ chế này phản ánh một logic quản trị thực dụng đó là thay vì áp đặt hoàn toàn quan lại từ trung ương (trong điều kiện địa hình hiểm trở, xã hội tộc người đa dạng), vương triều Lý lựa chọn cách hợp thức hóa quyền lực địa phương trong khuôn khổ nhà nước, qua đó biến thủ lĩnh bản địa thành “mắt xích” của bộ máy cai trị. Đây là điểm then chốt cho sự quản lý cấp hành chính địa phương của triều Lý không chỉ là luật lệ, mà còn là kĩ thuật tổ chức quyền lực.

Khi cần thiết, triều đình sử dụng biện pháp quân sự để trấn áp các cuộc nổi dậy ở vùng biên. *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi nhận nhiều chiến dịch dẹp loạn ở các châu miền núi phía Bắc, đặc biệt dưới các thời vua đầu triều Lý như vua Lý Thái Tổ (1009-1028), Lý Thái Tông (1028-1054): Năm 1015, “Xuống chiếu cho Dực Thánh Vương và Vũ Đức Vương đi đánh các châu Đô Kim, Vị Long, Thường Tân, Bình Nguyên. Bắt được thủ lĩnh Hà Ân Tuấn đem về kinh sư chém đầu.” (Ngô và nnk, 1998, tr.244). Năm 1027, nhà vua “Sai Khai Thiên Vương đi đánh châu Thất Nguyên. Đông Chinh vương đi đánh Châu Văn” (Ngô và nnk, 1998, tr.247-248)... Sự kết hợp giữa thiết chế - pháp luật - quân sự là ba lớp công cụ của nhà nước quân chủ nhằm duy trì trật tự ổn định vùng biên viễn phía Bắc.

2.2. Tính tự trị của các địa phương vùng biên viễn phía Bắc dưới triều Lý (1009-1226)

“Tự trị” thực chất là quyền được khác biệt và quyền không bị can thiệp, quyền được bảo tồn, bảo vệ và thúc đẩy những giá trị vốn nằm ngoài phạm vi can thiệp hợp pháp của phần còn lại của

xã hội. Trong bối cảnh Việt Nam thời kì trung đại, “tự trị” là mức độ tự quản thực tế của cộng đồng địa phương dựa trên luật tục, quan hệ dòng họ và quyền lực thủ lĩnh.

Dưới triều Lý, tính “tự trị” thể hiện với các cấp độ khác nhau. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi việc đổi “10 đạo làm 24 lộ”, đồng thời phân biệt một số địa bàn thành “trại” (Ngô và nnk, 1998, tr.242). Các công trình nghiên cứu về tổ chức nhà nước quân chủ cũng cho thấy hệ thống lộ, phủ, châu, huyện, hương, xã (miền núi có động) như nhận xét của Phan Huy Lê (Phan và nnk, 2012, tr.355), trong đó châu ở nhiều trường hợp gắn với vùng cư trú tộc người. Theo nhà nghiên cứu của Đào Duy Anh, triều Lý vận dụng mô hình tương thích với khu vực, trong đó lộ là đơn vị rộng, dưới đó có phủ và châu (Đào, 2005, tr.117). Momoki nhận định: Châu (州) ở miền núi dần trở thành chỉ dấu các khu vực định cư của nhóm dân tộc không phải là người An Nam, và tồn tại các châu dạng “jimizhou”[ki mi] do thủ lĩnh cai quản (Momoki, 2013, tr.51).

Về không gian, vùng biên viễn phía Bắc dưới triều Lý gồm các châu như châu Vị Long, châu Đô Kim, châu Thất Nguyên, châu Văn, châu Định Nguyên, châu Trệ Nguyên, châu Bình Nguyên, châu Thường Tân, châu Quảng Nguyên, châu Lô Lô, châu Kỳ Lang, châu Thượng Nguyên, châu Hạ Nông, châu Thạch Tê, châu Tư Lang... tương ứng với các khu vực thuộc các tỉnh Lai Châu, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Quảng Ninh hiện nay. Nhà nghiên cứu Đào Duy Anh dựa trên *Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký toàn thư*, đã thống kê các châu miền thượng du do thủ lĩnh hoặc tù trưởng thế tục cai trị và các đơn vị này “ngang với địa vị của những huyện ở miền xuôi”, lệ thuộc lỏng vào phủ lộ hoặc châu lộ (Đào, 2005, tr.119-123). Nhận xét này đã mô tả chính xác “cơ chế biên”: quyền lực địa phương vận hành tương đối độc lập, trong khi vẫn có các “đường dẫn” kết nối với triều đình (chức tước, cống nạp, hôn nhân, nghĩa vụ quân sự).

Theo *Đại Nam nhất thống chí* ghi chép về Hưng Hóa (bao gồm đạo Lâm Tây, châu Chân Đăng thời Lý) là nơi có người Nùng, người Thổ ở lẫn với nhau và có các dòng họ chia nhau thế tập; Tuyên Quang (châu Vị Long thời Lý) là nơi cư trú của người Thanh, người Thổ, người Nùng...sinh sống đan xen. Trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, các dòng họ có thế lực tại vùng biên viễn phía Bắc tiêu biểu là: Họ Thân (châu Lạng), họ Lê (châu Phong, châu Chân Đăng), họ Hà (châu Vị Long), họ Nùng (châu Quảng Nguyên), họ Hoàng (châu Vị Long)... Trên cơ sở tham khảo *Lĩnh ngoại đại đáp* của Chu Khứ Phi, Phạm Đức Anh cho rằng với đặc điểm tộc người và cư trú thì “cả chính quyền triều Lý ở Đại Việt và nhà Tống ở Trung Quốc đều rất khó kiểm soát, quản lí các châu động biên viễn” (Phạm, 2023b, tr.143).

2.3. Trạng thái quy thuận - xung đột - tương hỗ trong cơ chế quản trị vùng biên viễn phía Bắc dưới triều Lý (1009-1226)

Quan hệ trung ương - địa phương ở vùng biên viễn phía Bắc dưới triều Lý được vận hành bởi một cơ chế kép: Từ phía trung ương là nỗ lực “pháp trị hóa” nhằm bảo đảm trật tự và khẳng định quyền lực nhà nước; từ phía địa phương là sự tồn tại bền vững của “tự trị” dựa trên quyền lực thủ lĩnh và luật tục. Cơ chế đó dẫn tới ba trạng thái vận động chính: quy thuận, xung đột và tương hỗ.

(1) Trạng thái “quy thuận”:

Một số nhà nghiên cứu cho rằng triều Lý cho phép thủ lĩnh địa phương “thực sự quản lí vùng đất của mình, cha truyền con nối, nhưng trên nguyên tắc phải thần phục và hàng năm phải cống phú nhất định” (Phan và nnk, 2012, tr.544). Chúng tôi nhận thấy do đặc thù về vị trí địa lí và đặc điểm cư dân gồm nhiều thành phần tộc người đa dạng, chịu ảnh hưởng từ truyền thống cai trị của các thủ lĩnh địa phương và sự tác động từ quan hệ bang giao giữa triều Lý với triều đại phong kiến phương Bắc (Trung Quốc) nên mối quan hệ giữa cấp địa phương vùng biên viễn phía Bắc với chính quyền trung ương tồn tại ở trạng thái “quy thuận”. Sự quy thuận của cấp địa phương vùng biên giới phía Bắc còn biểu hiện trên các phương diện như phong tước-ban chức, hôn nhân chính trị...

Bảng 1. Số lượng biện pháp tổ chức và quản lý vùng biên giới phía Bắc dưới triều Lý (1009 - 1226)

STT	Các đời vua	Biện pháp				
		Phong chức tước	Tuần hành	Tiếp nhận vật phẩm	Hôn nhân	Quân sự
1	Lý Thái Tổ (1009-1028)					6
2	Lý Thái Tông (1028-1054)	1		1	4	8
3	Lý Thánh Tông (1054-1072)	1	2	5	1	1
4	Lý Nhân Tông (1072-1127)		1	9	3	2
5	Lý Thần Tông (1128-1137)			4		
6	Lý Anh Tông (1138-1175)		4		3	1
7	Lý Cao Tông (1176-1210)		1		1	1

(Nguồn: *Khuyết danh, 2005; Ngô và nnk, 1998; Ngô, 1995*)

Dâng tặng phẩm là hình thức phổ biến nhất nhằm duy trì sợi dây ràng buộc về chính trị. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, triều Lý định lệ thuế trong đó có sản vật núi nguồn của các phiên trấn (Ngô và nnk, 1998, tr.243). Vật phẩm dâng tặng vừa có giá trị về kinh tế, vừa xác lập biểu tượng cho sự quy thuận của các thủ lĩnh địa phương đối với chính quyền trung ương dưới triều Lý. Các trường hợp như châu La Thuận dâng voi trắng (1061), châu Chân Đăng dâng voi trắng (1072), thủ lĩnh châu Quảng Nguyên dâng hươu trắng (1124)... (Ngô và nnk, 1998, tr.273-274; 294) phản ánh hiện tượng: Địa phương dùng vật phẩm để biểu thị quy thuận, triều đình dùng việc tiếp nhận vật phẩm để khẳng định quyền uy của chính quyền trung ương.

Phong tước và ban chức là biện pháp triều đình thừa nhận địa vị thủ lĩnh đồng thời đưa họ vào hệ thống quản trị của nhà nước. Các dòng họ lớn có thế lực tại địa phương như họ Thân ở Lạng Sơn, Hà ở Vị Long,... được nhà nước đặt các chức Quan mục. Tuy nhiên theo nghiên cứu của nhóm tác giả trong công trình *Lịch sử Việt Nam* (tập 1) đã đề cập đến biện pháp “đạo thụ”: trong chức vụ của hai tể tướng Lý Thường Kiệt và Đỗ Anh Vũ có ghi thêm chức “đạo thụ chư trấn Tiết độ sứ” có nghĩa là quan Tể tướng làm việc ở triều đình mà vẫn có quyền điều tiết, giám sát các trấn phương xa (Phan và nnk, 2012, tr.543-544).

Triều Lý thực hiện chính sách gả công chúa cho thủ lĩnh các châu mục, hình thành mạng lưới liên kết thân tộc, quan hệ trung ương - địa phương chuyển biến thành quan hệ “gia tộc”, từ đó triều đình gia tăng ảnh hưởng đối với vùng biên viễn phía Bắc.

Bảng 2. Thống kê các cuộc hôn nhân chính trị giữa công chúa với các thủ lĩnh vùng biên giới phía Bắc dưới triều Lý (1009-1226)

STT	Đời vua	Năm	Sự kiện	Dẫn nguồn
1	Lý Thái Tổ (1009-1028)	?	Hà Hưng Tông gả công chúa thứ ba của vua Lý Thái Tổ, hiệu là phò ký lang [danh hiệu phong cho người lấy công chúa của vua Lý]	[Lý, 1998]
2	Lý Thái Tông (1028-1054)	1029	Gả công chúa Bình Dương cho châu mục châu Lạng là Thân Thiệu Thái	[Ngô và nnk, 1998, tr.253]
		1036	Gả công chúa Kim Thành cho châu mục châu Phong là Lê Tông Thuận	[Ngô và nnk, 1998, tr.258]

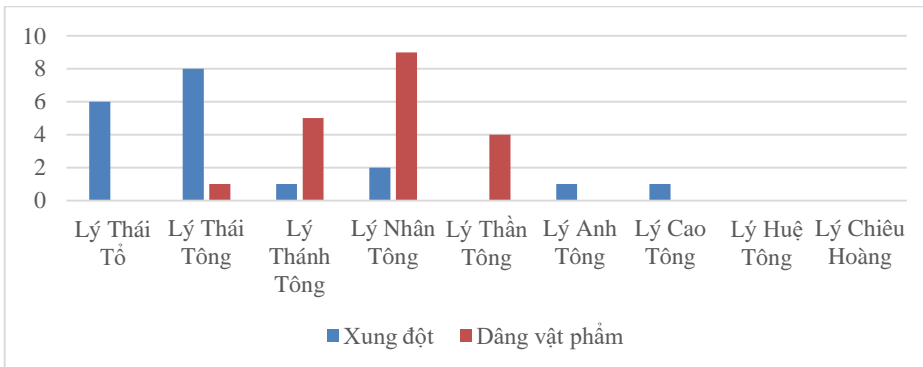
			Gả công chúa Trường Ninh cho châu mục Châu Thượng Oai là Hà Thiên Lãm	[Ngô và nnk, 1998, tr.258]
		1066	Con trai công chúa Bình Dương là Thân Đạo Nguyên lấy công chúa Thiên Thành	[Khuyết danh, 2005, tr.95]
3	Lý Thánh Tông (1054-1072)	1082	Gả công chúa Khâm Thánh cho châu mục châu Vị long là Hà Di Khánh	[Ngô và nnk, 1998, tr.281]
4	Lý Nhân Tông (1072-1127)	1113	Công chúa họ Lý gả cho châu mục Chân Đăng họ Lê	[Ngô và nnk, 1998, tr.286]
		1127	Gả công chúa Diên Bình cho thủ lĩnh Phù Phù Lương là Dương Tự Minh	[Ngô và nnk, 1998, tr.297]
5	Lý Anh Tông (1138-1175)	1144	Gả công chúa Thiệu Dung cho Dương Tự Minh, phong Tự Minh là phò mã lang	[Ngô và nnk, 1998, tr.315]
		1167	Công chúa Thiên cực gả về cho châu mục Lạng châu là Hoài Trung Hầu	[Khuyết danh triều Trần, 2005, tr.152]
6	Lý Cao Tông (1176-1210)	1180	Cho thủ lĩnh châu Vị Long là Hà Công Thụ lấy công chúa Hoa Dương	[Khuyết danh triều Trần, 2005, tr.157]

(Nguồn: Khuyết danh, 2005; Ngô và nnk, 1998; Lý, 1998)

Bằng hình thức hôn nhân chính trị, chính quyền trung ương gia tăng ảnh hưởng quyền lực với chính quyền địa phương vùng biên giới phía Bắc thông qua mối quan hệ với các thủ lĩnh địa phương.

(2) Trạng thái xung đột: Cường chế quân sự và giới hạn của ràng buộc

Xung đột xảy ra trong các trường hợp: (i) triều đình can thiệp vượt quá “ngưỡng chấp nhận” của địa phương; hoặc (ii) thủ lĩnh địa phương gia tăng ý thức tự chủ theo hướng cát cứ; hoặc (iii) xuất hiện tác nhân bên ngoài (đặc biệt là trong quan hệ với nhà Tống) làm thay đổi cân bằng quyền lực. Trong các trường hợp đó, triều đình thường sử dụng quân sự nhằm tái lập sự ổn định vùng biên. Ghi chép về họ Nùng ở Quảng Nguyên là ví dụ tiêu biểu cho sự quyết liệt của chính quyền trung ương đối với hành vi nổi dậy của thủ lĩnh địa phương. *Đại Việt sử ký tiền biên* mô tả quá trình Nùng Tồn Phúc xưng đế, lập nước, không nộp cống và không xưng tâu vua Lý Thái Tông (1028-1054) thân chinh trấn áp vào năm 1039 khiến “Tồn Phúc nghe tin đại quân đến, đem cả bộ lạc, dắt cả vợ con trốn nấp ở nơi núi khe. Vua cho quân đuổi theo bắt được bọn Tồn Phúc và Trí Thông tất cả năm người, duy có vợ là A Nùng, con là Trí Cao chạy thoát” (Ngô, 1995, tr.262-263).

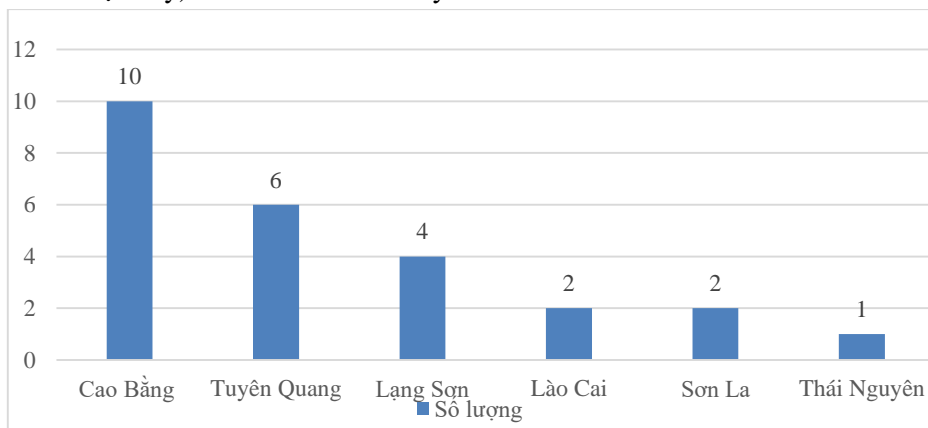


Biểu đồ 1. Số lần xung đột và dâng vật phẩm giữa các địa phương vùng biên giới phía Bắc và triều đình trung ương dưới triều Lý (1009-1226)

(Nguồn: Khuyết danh, 2005; Ngô và nnk, 1998; Ngô, 1995)

Mối quan hệ quy thuận - xung đột giữa địa phương và trung ương còn biểu hiện thông qua số lần xung đột và dâng vật phẩm giữa các địa phương vùng biên giới phía Bắc và triều đình trung ương như Biểu đồ 1.

Quan sát Biểu đồ 1, xét theo thời gian, xung đột tập trung nhiều dưới triều vua Lý Thái Tổ (1009-1028) và vua Lý Thái Tông (1028-1054), sau đó giảm rõ rệt từ triều vua Lý Anh Tông (1138-1175). Xu hướng này phản ánh quá trình chuyển dịch từ đối đầu sang quy thuận khi nhà nước trung ương ngày càng hoàn thiện các biện pháp quản lí biên giới khi kết hợp quân sự, hành chính và chính sách thân tộc - phong chức. Thực tiễn các cuộc nổi dậy tại vùng biên giới phía Bắc dưới triều Lý diễn ra có sự khác biệt theo từng khu vực (xét theo không gian địa lí tương ứng với các tỉnh thành hiện nay) như biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 2. Số lượng các cuộc nổi dậy của địa phương vùng biên giới phía Bắc dưới triều Lý (1009 -1226)

(Nguồn: Khuyết danh, 2005; Ngô và nnk, 1998; Ngô, 1995)

Từ Biểu đồ 2, chúng tôi nhận thấy khu vực Cao Bằng dưới triều Lý có tới 10 cuộc nổi dậy tương ứng với các châu như châu Quảng Nguyên, châu Thăng Do, trại Ngũ Hoa, động Lôì Hoả, động Vật Ác... Đứng thứ hai là 4 lần ở Tuyên Quang với các châu Vị Long, Đô Kim, Đan Bình, Bình Nguyên, Thường Tân; các địa phương khác từ 1-2 lần trong thời gian tồn tại của triều Lý.

(3) Trạng thái tương hỗ: Gắn lợi ích cộng đồng địa phương với lợi ích quốc gia

Trạng thái này thể hiện rõ trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077). *Việt sử lược* ghi chép việc Tông Đản (tù trưởng người Nùng) chỉ huy đạo quân bộ đánh Ung Châu trong chiến lược “tiên phát chế nhân” (Khuyết danh, 2005, tr.101). Đây là dẫn chứng điển hình về hoạt động của thủ lĩnh địa phương không chỉ là đối tượng quản trị, mà còn là chủ thể đồng kiến tạo an ninh quốc gia. Trong hoàn cảnh đó, lợi ích của cộng đồng địa phương và lợi ích quốc gia giao thoa: tổ chức chống ngoại xâm của nhà nước chính là bảo vệ cộng đồng cư dân. Vùng biên viễn phía Bắc là không gian “phên giậu” theo nghĩa kép: vành đai phòng thủ và không gian chính trị mà sự lựa chọn về cách thức ứng xử của các cộng đồng tộc người ảnh hưởng trực tiếp tới sức mạnh quốc gia. Trạng thái “tương hỗ” không chỉ xuất hiện trong bối cảnh ngoại xâm mà còn tồn tại khi có sự quấy nhiễu vùng biên giới phía Bắc từ các lực lượng bên trong và ngoài phạm vi lãnh thổ quản lí của triều Lý.

Bảng 3. Các sự kiện phối hợp giữa chính quyền trung ương và địa phương vùng biên viễn phía Bắc dưới triều Lý (1009 – 1226)

TT	Dòng họ	Thời gian	Sự kiện	Dẫn nguồn
1		1075	Tông Đản hành quân sang đất Tống “tiên phát chế nhân”, 1077, quân Tống ô ạt kéo sang, chặn giặc ở biên giới, tạo điều kiện cho trận đánh Như Nguyệt	[Ngô và nnk, 1998, tr.278]

2	Họ Thân (Châu Lạng)	1028	Thân Thừa Quý (động Giáp, Lạng Châu), con rể vua Lý Thái Tổ, đem quân sang đất Tống bắt những kẻ gây rối biên giới. Biên thần Quảng Tây phải giảng hòa.	[Lê, 2009, tr.223]
3		1059	Châu mục Lạng Châu là Thân Thiệu Thái đem quân sang châu Tây Bình thuộc Ung Châu yêu cầu nhà Tống trả lại dân cư đã trốn trên đất Tống mà biên thần nhà Tống đã giấu đi. Viên Đô giám Tuần kiểm Ung Châu là Tống Sĩ Nghiêm đưa quân vượt biên giới, xâm phạm động Giáp. Năm 1060, Thân Thiệu Thái đánh sang châu Tây Bình, giết chết Tống Sĩ Nghiêm, tiến công trại Vĩnh Bình.	[Ngô và nnk, 1998, tr.272]
4	Họ Dương (Châu Quảng Nguyên)	1142	Dương Tự Minh được vua Lý Anh Tông quyết định cử đi Quảng Nguyên thực hiện chức trách chiêu tập người trong châu ấy	[Ngô và nnk, 1998, tr.314]
5		1143	Vua Lý Anh Tông lại ban chiếu cho Dương Tự Minh được “cai quản việc công các khe động dọc theo biên giới về đường bộ”.	[Ngô và nnk, 1998, tr.315]
6		1145	Dương Tự Minh đã chỉ huy quân dân vùng biên đánh bại đám giặc Đàm Hữu Lượng.	[Ngô và nnk, 1998, tr.316]

(Theo Lê, 2009; Ngô và nnk, 1998)

Trên cơ sở tổng hợp các sự kiện về sự phối hợp giữa chính quyền trung ương và địa phương vùng biên viễn phía Bắc dưới triều Lý, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, sự phối hợp giữa các địa phương vùng biên giới và triều đình thường được diễn ra chặt chẽ nhất khi đất nước phải tiến hành kháng chiến chống giặc ngoại xâm, mà ở dưới thời nhà Lý là trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077). Điều này cho thấy xu thế chung trong mối quan hệ giữa trung ương - địa phương khi có sự xâm lược từ thế lực bên ngoài là mối quan hệ tương hỗ. Trong đó, triều đình cần sự giúp đỡ của các địa phương, đứng đầu bởi các tù trưởng, các dòng họ lớn để bảo vệ vững chắc trận địa biên giới, ngược lại, các dòng họ lớn giai đoạn này có mối liên hệ quyền lợi trong sự ràng buộc nhất định đối với triều đình nhà Lý (được gả công chúa, ban chức tước...) mong muốn duy trì quyền lực của mình đối với cộng đồng địa phương. Điểm giao về lợi ích chung chính là cơ sở cho sự tương hỗ giữa chính quyền trung ương với cấp địa phương vùng biên viễn phía Bắc.

Thứ hai, các dòng họ lớn lâu đời như họ Thân ở Lạng Châu, họ Hà ở Vị Long, họ Dương ở Phú Lương xuất hiện trong các hoạt động quân sự, phòng thủ và ổn định xã hội ở vùng biên. Đây không phải là những cá nhân mà là những dòng họ có thế lực bền vững, nhiều đời thế tập, gắn bó chặt chẽ với không gian cư trú và cộng đồng địa phương. Chính sách của triều Lý cho thấy nhà nước trung ương có chủ đích tập trung xây dựng và duy trì mối quan hệ chính trị - huyết thống với các dòng họ này, thông qua việc phong chức, gả công chúa, trao quyền quản lý quân sự và hành chính.

Thứ ba, các sự kiện quân sự diễn ra liên tục trong các năm 1028, 1059-1060, 1075-1077 và các thập niên sau đó phản ánh tính bất ổn thường trực của khu vực biên giới phía Bắc. Biên giới không phải là một đường ranh cố định, yên ổn, mà là một không gian động, nơi thường xuyên xảy ra xung đột vũ trang, tranh chấp dân cư, hiện tượng ly gián, mua chuộc và vượt biên. Trong bối cảnh đó, sự hiện diện của các lực lượng thổ binh địa phương, am hiểu địa hình, có khả năng tác chiến linh hoạt và gắn bó mật thiết với cư dân bản địa, trở thành yếu tố quyết định trong việc cầm chân, tiêu hao và làm thất bại các chiến dịch xâm lược từ bên ngoài.

Như vậy, “pháp trị” và “tự trị” đã tạo nên một cơ chế tương tác linh hoạt, trong đó triều đình sử dụng cách thức tổ chức và quản lý đơn vị hành chính để khẳng định quyền lực, đồng thời dung hòa với sự tự quản địa phương thông qua ràng buộc chính trị - thân tộc; khi cần thiết, cưỡng chế quân sự được sử dụng để tái lập trật tự. Ba trạng thái quy thuận - xung đột - tương hỗ phản ánh nhịp điệu vận động của cơ chế đó, đồng thời cho thấy quan hệ giữa trung ương và địa phương ở vùng biên viễn là một quá trình vận động liên tục trong quá trình tổ chức và quản lý đơn vị hành chính của vương triều Lý (1009-1226).

3. Kết luận

Thứ nhất, cơ chế quản trị vùng biên viễn phía Bắc dưới triều Lý (1009-1226) được thể hiện thông qua chính sách ràng buộc lỏng lẻo của chính quyền trung ương với địa phương, và sự bền vững trong quyền lực của các tù trưởng dân tộc cũng như các luật tục tại địa phương. Mối quan hệ của yếu tố “pháp trị” và “tự trị” phản ánh rõ nét mối quan hệ giữa trung ương với địa phương, được biểu hiện thành ba trạng thái cơ bản: Quy thuận, xung đột và tương hỗ lẫn nhau.

Thứ hai, với trường hợp của triều Lý (1009-1226), phần lớn thời gian mối quan hệ giữa trung ương với địa phương diễn ra hòa bình, các địa phương có sự thần phục nhất định song vẫn có sự tự quyết trong hành động của mình. Qua các đời vua, triều Lý đã duy trì được ảnh hưởng và quyền kiểm soát đối với các địa phương vùng biên viễn phía Bắc qua sự vận dụng linh hoạt các biện pháp đối với những khu vực này như: Kết hôn chính trị, phong chức tước, dâng vật phẩm, cử quân đội tuần hành và lập các trại canh gác. Các biện pháp và kết quả đạt được trong giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa trung ương với địa phương dưới triều Lý có ý nghĩa đối với duy trì sự ổn định trong nước đồng thời tạo nên một hàng rào phòng thủ cho chính quyền trung ương khi xuất hiện nguy cơ xâm lược từ bên ngoài.

Thứ ba, sự vận dụng khéo léo các biện pháp về tổ chức và quản lý đơn vị hành chính địa phương đặt trong những đặc thù riêng của vùng biên viễn phía Bắc dưới triều Lý để lại bài học cho không chỉ dành cho triều đại quân chủ kế tiếp, mà còn có giá trị lịch sử đối với công cuộc quản lý và tổ chức hành chính hiện nay.

Thứ tư, nghiên cứu về mối quan hệ giữa trung ương với địa phương trong cơ chế quản trị vùng biên giới phía Bắc dưới triều Lý (1009-1226) sẽ gợi mở ra những hướng nghiên cứu sâu hơn về các chính sách của vương triều Lý với các địa phương vùng biên giới phía Tây và phía Nam đặt trong mối quan hệ với các vấn đề bảo vệ lãnh thổ và chống ngoại xâm; tiếp tục nghiên cứu về chính sách tổ chức và quản lý của nhà nước đối với vùng biên viễn phía Bắc và sự kế thừa trong quản trị đất nước của các triều đại quân chủ kế tiếp như triều Trần, triều Lê Sơ, triều Nguyễn... Kết quả nghiên cứu là cơ sở để tiếp tục làm rõ các nội dung về sự tương tác giữa trung ương và các thiết chế xã hội bản địa trong không gian chính trị Đại Việt, sự hình thành “không gian đa tầng quyền lực” ở vùng biên và tác động của “không gian đa tầng quyền lực” đến nhận thức về lãnh thổ và chủ quyền quốc gia sau này.

Ghi chú về tác giả: TS Nguyễn Thu Hiền là giảng viên khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam. Lã Thị Thanh Hiền và Lương Phương Mai là sinh viên lớp CLC khoá 73 tại Khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam. Tác giả 1: xây dựng ý tưởng, phương pháp, viết bản thảo, giám sát, phân biện và chỉnh sửa; tác giả 2 và 3: thống kê dữ kiện, phân tích số liệu, viết bản thảo.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson, J. (2007). *The rebel den of Nung Tri Cao: Loyalty and identity along the Sino-Vietnamese frontier*. Washington University Press (in English).
- Cheng, A. (2022), Nguyễn, T.H dịch. *Lịch sử tư tưởng Trung Quốc (Histoire de la pensée chinoise)*. NXB Thế giới (in French).

- Giản, C. & Nguyễn, H. L. (2004). *Đại cương triết học Trung Quốc* (Tập 2). NXB Thanh niên.
- Đào, D. A. (2005). *Đất nước Việt Nam qua các đời*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- Đàm, T. U., & Đỗ, T. X. (2022). Nhà nước Lý - Trần với các tộc người miền biên giới phía Bắc. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*, 227(9), 372-378. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6008>
- Khuyết danh. (2005). Trần, Q.V dịch. *Việt sử lược*. NXB Thuận Hóa, Huế.
- Lê, T. (2009). Trần, K.H dịch. *An Nam chí lược*. NXB Lao động, Hà Nội.
- Lý, T. Â. (1998). *Văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc*. Tuyên Quang.
- Momoki, S. (2013). Local rule of Đại Việt under the Lý Dynasty: Evolution of a charter polity after the Tang–Song transition in East Asia. *Asian Review of World Histories* (in English). <https://doi.org/10.12773/arwh.2013.1.1.045>
- Ngô và nnk (1998). Ngô, Đ.T dịch. *Đại Việt sử ký toàn thư* (Tập 1). NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Ngô, T. S. (1995). Dương, T.T dịch. *Đại Việt sử ký tiền biên*. NXB Hồng Bàng - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- Nguyễn, M. T. (2019). *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn, Q. Â. (2024). *Thành lập và thay đổi địa danh, địa giới đơn vị hành chính trong lịch sử Việt Nam* (Tập 1). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Nguyễn, Q. N và nnk (2022). *Vương triều Lý (1009-1226)*. NXB Hà Nội, Hà Nội.
- Nguyễn, T. H., & Đặng, T. L. H. (2020). Công phẩm trong mối quan hệ giữa địa phương và chính quyền trung ương dưới triều Lý (1009-1225). *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 65(5), 140–152. <https://vjol.info.vn/index.php/DHSPHN/article/view/56850#:~:text=10.18173/2354%2D1067.2020%2D0036>
- Phan, H. C. (2006). Viện Sử học dịch. *Lịch triều hiến chương loại chí*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Phan, H. L. và nnk. (2012). *Lịch sử Việt Nam* (Tập 1). NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Phạm, Đ. A. (2023a). *Mô hình tổ chức nhà nước ở Việt Nam thế kỉ X–XIX*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm, Đ. A. (2023b). *Cơ cấu hành chính và tổ chức quản lí địa phương thời Lý - Trần (thế kỉ XI–XIV)*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2006). Phạm, T.Đ dịch. *Đại Nam nhất thống chí* (Tập IV). NXB Thuận Hóa, Huế.
- Trần, T. V. (2008). Thiết chế bộ máy chính quyền nhà nước thời Lý (1010-1225). *Nghiên cứu Lịch sử*, (6), 40-49. <https://vjol.info.vn/hists/article/view/5606>
- Yu, I. (2011). Hệ thống luật pháp triều Lý và triều Trần của Việt Nam: Mối quan hệ giữa “Đường luật” và “Lê triều hình luật”. *Nghiên cứu Lịch sử*, (1), 8-31.